TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày: 27-8-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L – HÒA BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hải và Bà Chu Thị Thu Hằng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Châm - kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sở thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HS ngày 13/8/2019 đối với:

**** Bị cáo***: Nguyễn Thị H - sinh năm 1964; HKTT: T 05, Khu T, Thị trấn X, huyện C, TP H; Chỗ ở hiện nay theo sổ tạm trú: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T; Chồng: không; con: 01 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày 15/02/2019 đến ngày 24/02/2019. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.***

1.Chị Trần Thị L, sinh năm 1977; Cư trú: T 01, Khu T, Thị trấnX, huyện C, TP H.

2.Anh Phan Quốc H2, sinh năm 1977; Cư trú: Xóm D, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

**** Người làm chứng:***

1. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1984; Cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Chị Bùi Thị P, sinh năm năm 1996; Cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh H.

3. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1975; Cư trú: T 03, Thị trấn L, huyện L, tỉnh H.

4. Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1984; Cư trú: Xóm B, xã T, huyện L, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/02/2019 tại quán cà phê của Trần Thị L - Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình có Nguyễn Thị H là người do Trần Thị L thuê trông nom quản lý quán, ở cùng với H có 03 nhân viên của quán là Nguyễn Thị L1, Bùi Thị P, Bùi Thị H1. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày có Vũ Văn Th và Phan Quốc H2 đi xe mô tô đến quán cà phê do H đang quản lý với mục đích mua dâm. Đến quán H2 xuống xe hỏi và thỏa thuận với H giá cả mua bán dâm là 250.000 đồng một lần một người. Sau đó H2 đưa cho H 500.000 đồng để H2 và T mua dâm. Nhận tiền xong, H chỉ đạo P, L1 dẫn H2 và T vào 02 phòng khác nhau để thực hiện hành vi bán dâm. Khi các đối tượng mua dâm, bán dâm cởi quần áo chuẩn bị thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị cơ quan Công an bắt quả tang.

Vật chứng thu được: 06 bao cao su chưa sử dụng, vỏ ngoài màu xanh xám, nhãn hiệu EROS; 01 gói kem bôi trơn nhãn hiệu VIP; Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng).*

Quá trình điều tra, truy tố đã thể hiện: Trần Thị L là người thuê nhà của ông Ngô Văn T1 mở quán cà phê. Quá trình điều tra, xác định L thuê Nguyễn Thị H trông coi, quản lý, dọn dẹp quán cà phê. Tại thời điểm ngày 15/2/2019, L không có mặt ở quán và không chỉ đạo nhân viên quán và Nguyễn Thị H thỏa thuận, mua bán dâm. Do đó không có căn cứ kết luận Trần Thị L có liên quan đến việc thỏa thuận mua bán dâm tại quán cà phê ngày 15/2/2019. Đối với ông Ngô Văn T1 là người cho Trần Thị L thuê nhà để mở quán cà phê. Quá trình điều tra xác định, ông T chỉ biết cô L thuê nhà để mở quán cà phê và không biết L thuê nhân viên nào, hoạt động gì nên không biết việc xảy ra mua bán dâm tại quan. Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Thị L và ông T1.

Cơ quan điều tra đã căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ - CP ngày 12/11/2013 đã ra quyết định xử phạt hành chính với Phan Quốc H2, Vũ Văn T, Nguyễn Thị L1 và Bùi Thị P.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 10/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn truy tố Nguyễn Thị H về tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoảng 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106, Điều 136 BLTTHS năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tịch thu tiêu hủy 06 bao cao su chưa sử dụng, vỏ ngoài màu xanh xám, nhãn hiệu EROS, 01 gói kem bôi trơn nhãn hiệu VIP.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và lời khai những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lương Sơn, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng: Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn tiến hành triệu tập hợp lệ tuy nhiên người liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Sự vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 BLTTHS, HĐXX xét xử vắng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với cáo trạng cùng với lời khai của người liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ phản ánh trong hồ sơ vụ án. Cụ thể như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/02/2019, tại quán cà phê ở thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Nguyễn Thị H đã sử dụng địa điểm là quán cà phê đang thuộc quyền quản lý của mình để cho Phan Quốc H2 và Vũ Văn T với hai gái bán dâm Bùi Thị P, Nguyễn Thị L1 thực hiện việc mua, bán dâm để thu lời bất chính 500.000 đồng từ Phan quốc H2. Như vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 điều 327 BLHS 2015.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới và có thể tạo môi trường lây lan các căn bệnh xã hội khác nên phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bố đẻ bị cáo được nhà nước tặng huân chương kháng chiến; bị cáo có trình độ văn hóa thấp (1/12); bị cáo có hoàn cảnh khó khăn gia đình chỉ có hai mẹ con, bản thân bị cáo là lao động chính và là người trực tiếp nuôi con, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, trước lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử bằng một bản án hay xử lý vi phạm hành chính về hành vi vi phạm phạm pháp luật nào; bị cáo có trình độ vân hóa thấp dẫn đến nhận thức pháp luật bị hạn chế, phạm tội do nhất thời hám lợi; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là cũng đủ để ren đe, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và có ích cho xã hội.

[5] Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, lao động tự do và thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với Trần Thị L là người thuê nhà của ông Ngô Văn T mở quán cà phê. Quá trình điều tra, xác định L thuê Nguyễn Thị H trông coi, quản lý, dọn dẹp quán cà phê. Tại thời điểm ngày 15/2/2019, L không có mặt ở quán và không chỉ đạo nhân viên quán và Nguyễn Thị H thỏa thuận, mua bán dâm. Do đó không có căn

cứ kết luận Trần Thị L có liên quan đến việc thỏa thuận mua bán dâm tại quán cà phê ngày 15/2/2019. Nên cơ quan điều tra không truy cứu nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị L là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người mua dâm: Phan Quốc H2 và Vũ Văn T Cơ quan điều tra đã căn cứ khoản 1 Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 đã ra quyết định xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền 750.000đồng là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán dâm: Nguyễn Thị L1 và Bùi Thị P Cơ quan điều tra đã căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 đã ra quyết định xử phạt hành chính, hình thức cảnh cáo là có căn cứ pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 500.000đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Tịch thu tiêu hủy: 06 bao cao su chưa sử dụng, vỏ ngoài màu xanh xám, nhãn hiệu EROS, 01 gói kem bôi trơn nhãn hiệu VIP.

[8]Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Chứa mại dâm"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tịch thu tiêu hủy 06 bao cao su chưa sử dụng, vỏ ngoài màu xanh xám, nhãn hiệu EROS, 01 gói kem bôi trơn nhãn hiệu VIP.

(Các vật chứng được lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Lương Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2019 giữa công an huyện Lương Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lời, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện L;
- C.A huyện L;
- UBND xã H;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Đức Thịnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện LS;
- C.A huyện LS;
- UBND TTLS.;
- Bị cáo;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lương Sơn, ngày 27 tháng 8 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi…..... giờ..... Ngày 27 tháng 8 năm 2019

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đức Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hải và bà Chu Thị Thu Hằng.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2019/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với:

Bị cáo Nguyễn Thi Hoa, sinh ngày 16/4/1964; HKTT: Tổ 5, khu Tân Xuân, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Thôn Cố Thổ, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự ;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Toàn bộ chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Khiểm sát viên thu thập; Bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đã tuân thủ đúng nguyên tắc của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kết quả biểu quyết:…….

2. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kết quả biểu quyết:…….

3. Về tội danh:

Tuyên bố Nguyễn Thị Hoa phạm tội *"Chứa mại dâm"*

Kết quả biểu quyết:…….

4. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng Khoản 1 Điều 327, điểm, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 136 BLTTHS năm 2015. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết:…….

5. Về mức hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hoa 18 *(Mười tám)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách thử thách là 36 *(Ba mươi sáu)* tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Kết quả biểu quyết: ……..

6. Về các vấn đề khác:

* Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 500.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tịch thu tiêu hủy 06 bao cao su chưa sử dụng, vỏ ngoài màu xanh xám, nhãn hiệu EROS, 01 gói kem bôi trơn nhãn hiệu VIP.

* Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Hoa phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo. người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Kết quả biểu quyết:……..

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

5. Về mức hình phạt:

Xử phạt Bùi Thị Phương :……..tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách ……..…..tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: ……..

6. Về các vấn đề khác:

* Về vật chứng: BLTTHS Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 (một) vali kéo hình hộp chữ nhật bằng vải màu tím nhãn hiệu LEPRO; Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi đựng hồ sơ xin việc bằng bìa cứng màu trắng, không có giá trị sử dụng.

* Về án phí: Bị cáo Bùi Thị Phương phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo.

Kết quả biểu quyết:……..

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**